

**CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VẬN TẢI HẢI THANH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VẬN TẢI HẢI THANH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HAI THANH TRANSPORT TRADING PRODUCTION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HAI THANH TTP CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108948569

**3. Ngày thành lập:** 16/10/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Căn hộ số 60-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 093 2288156

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                     | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                       | 4663(Chính) |
| 2.  | Sản xuất sản phẩm chịu lửa                                                                                    | 2391        |
| 3.  | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét                                                                         | 2392        |
| 4.  | Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao                                                                            | 2394        |
| 5.  | Sản xuất sắt, thép, gang                                                                                      | 2410        |
| 6.  | Sản xuất kim loại quý và kim loại màu                                                                         | 2420        |
| 7.  | Đúc sắt, thép                                                                                                 | 2431        |
| 8.  | Đúc kim loại màu                                                                                              | 2432        |
| 9.  | Phá dỡ                                                                                                        | 4311        |
| 10. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                             | 4312        |
| 11. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa<br>Môi giới mua bán hàng hóa              | 4610        |
| 12. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                         | 4321        |
| 13. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                         | 4322        |
| 14. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                | 4329        |
| 15. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                | 4330        |
| 16. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                           | 4390        |
| 17. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>(Trừ bán buôn động vật sống bị cấm) | 4620        |

|     |                                                                                                                                                                                                                            |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 18. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                         | 4632 |
| 19. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự | 4649 |
| 20. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                        | 4651 |
| 21. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                         | 4652 |
| 22. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                     | 4653 |
| 23. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                            | 4659 |
| 24. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(Trừ vàng miếng, vàng nguyên liệu)                                                                                                                                                  | 4662 |
| 25. | Cho thuê xe có động cơ<br>Chi tiết: - Cho thuê ô tô<br>- Cho thuê xe có động cơ khác                                                                                                                                       | 7710 |
| 26. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                             | 7730 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

### 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên   | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                                     | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | ĐỖ THỊ PHƯƠNG LÊ | Số nhà 8 Tập thể khí tượng thủy văn, Đường Phú Diễn, Tổ 3, Phường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 400.000.000           | 40,000    | 030179000046                                                                                                                                      |         |
| 2   | PHẠM TRUNG KIÊN  | Số nhà 8 Tập thể khí tượng thủy văn, Đường Phú Diễn, Tổ 3, Phường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 600.000.000           | 60,000    | 001079003494                                                                                                                                      |         |

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: PHẠM TRUNG KIÊN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 09/12/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001079003494

Ngày cấp: 23/10/2014

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 8 Tập thể khí tượng thủy văn, Đường Phú Diễn, Tổ 3, Phường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: P517 –CT5 Khu đô thị Mỹ Đình Mễ Trì, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội